

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 54: Cưu Ma La Thập, Là Âm Dịch Từ Tiếng Phạn, Nghĩa Là Đồng Thọ

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 004)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Cưu Ma La Thập, là âm dịch từ tiếng Phạn, nghĩa là Đồng Thọ.】

Trong tiếng Trung Quốc, cái tên này có nghĩa là “Đồng Thọ”, đây cũng là một lời tán thán Ngài. Khi tuổi đời còn rất nhỏ, tuy mang hình tướng là một đồng tử, nhưng trí huệ và đức hạnh của Ngài lại uyên thâm như bậc trưởng lão, phong thái rất lão luyện, rất chín chắn, cho nên tên của Ngài được gọi là Đồng Thọ.

“Bảy tuổi xuất gia, mỗi ngày tụng một ngàn bài kệ”, thông minh tuyệt đỉnh. Về con số “ngàn bài kệ” này, chúng ta cần hiểu cho đúng. Người Ấn Độ tính bốn câu là một kệ, nhưng độ dài ngắn của câu thì không cố định, không giống như câu kệ trong Kinh Kim Cang: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh” (Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng) – bốn câu này rất chỉnh tề. Trong văn trường hàng (văn xuôi), câu dài ngắn khác nhau cũng được tính theo đơn vị kệ. Tôi lấy ví dụ này để minh chứng rằng năng lực học tập của Ngài rất mạnh mẽ. Mỗi ngày Ngài có thể đọc và ghi nhớ (tụng) lượng văn tự nhiều đến như vậy. Dùng ngôn ngữ hiện đại mà nói, Ngài là một thiên tài kiệt xuất, hiếm có trên đời.

“Bác thông thê xuất thế pháp”, những sách vở Ngài đọc qua rất nhiều, Ngài đọc đến đâu là thuộc lòng và ghi nhớ đến đó, quả thực là bậc bác học đa văn.

“Năm 401 Tây lịch đến Trường An”, vị vua thời đó là Diêu Hưng, “đãi ngộ theo lễ Quốc Sư, tại Tây Minh các cùng tám trăm vị Nghĩa học giảng dạy và học tập”. “Nghĩa học” chính là những người chuyên tâm nghiên cứu giáo lý, bao gồm cả hàng xuất gia và tại gia. Những vị này đều tôn Đại sư La Thập làm thầy và theo Ngài tu học.

“Dịch kinh luận chín mươi tám bộ, hơn ba trăm chín mươi quyển.” Đại sư La Thập đến Trường An chỉ được bảy năm thì viên tịch. Cho nên, sự nghiệp dịch kinh của Ngài gói gọn trong bảy năm ngắn ngủi ấy mà hoàn thành được chín mươi tám bộ kinh luận. Ngài dịch vô cùng hay. Phong cách dịch của Ngài thuộc về “Dịch ý” (Diễn ý), khác với Đại sư Huyền Trang là “Trực dịch” (Dịch thẳng theo sát văn phạm gốc).

Dịch ý là không bị trói buộc bởi văn phạm gốc, mà dùng văn phạm và cách diễn đạt của tiếng Trung Hoa để chuyển tải đại ý của nguyên tác. Nhờ vậy, người Trung Quốc đọc bản dịch của Ngài cảm thấy văn phong vô cùng lưu loát, trôi chảy và rất yêu thích. Các bản dịch của Ngài rất được người Trung Quốc hoan nghênh và mến mộ, đạo lý chính là ở chỗ này.